

THÔNG BÁO
Kết quả trúng tuyển viên chức, lao động đợt 3 năm 2015

Căn cứ thông báo số 326/TB-CDYT ngày 16 tháng 7 năm 2015 về việc tuyển viên chức của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Biên bản họp số 436/BB-CDYT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng xét tuyển viên chức Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc xét tuyển viên chức, lao động đợt 3 năm 2015;

Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang thông báo kết quả trúng tuyển viên chức, lao động đợt 3 năm 2015 như sau:

TT	Họ và tên ứng viên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Vị trí công tác
		Nam	Nữ		
1	Hồ Anh Tú	1990		Bác sĩ đa khoa	Giảng viên khoa Y
2	Nguyễn Thanh Sang	1991		Bác sĩ đa khoa	Giảng viên khoa Y
3	Nguyễn Anh Khoa	1993		Cử nhân Giáo dục chính trị	Giảng viên khoa Khoa học cơ bản
4	Nguyễn Hoàng Ân	1991		Y sĩ	Nhân viên hành chính phòng ĐT-NCKH
5	Phạm Thị Thúy An		1988	Kỹ sư Tin học ứng dụng	Nhân viên hành chính phòng ĐT-NCKH
6	Nguyễn Anh Tuấn	1979		Kỹ sư xây dựng công trình	Nhân viên XD CB phòng TC-HC
7	Trịnh Thị Sơn Nhi		1993	Cao đẳng Điều dưỡng	Thư ký khoa KHCB

Tổng số ứng viên trúng tuyển: 07 (bảy) người.

Đề nghị ứng viên trúng tuyển đến liên hệ Phòng Tổ chức – Hành chính Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang để ký kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động.

Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo, nếu ứng viên trúng tuyển không đến ký hợp đồng, nhà trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển của ứng viên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ứng viên;
- Dân thông báo, đăng Website;
- Lưu: VT (TC-HC).

HIỆU TRƯỞNG *la*



NGUYỄN HÙNG VĨ

Tiền Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2015

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG
ĐỢT 3 - NĂM 2015**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghệ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
Vị trí tuyển dụng: Giảng viên cơ hữu									
1. Bác sĩ đa khoa định hướng chuyên khoa giải phẫu									
1	Hồ Anh Tú (Bình Thạnh – TP HCM)	1990 (Nam)	Bác sĩ đa khoa	-	71.8	90.0	77.5	316.8	
2. Bác sĩ sản khoa									
2	Nguyễn Thanh Sang (Cái Bè – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Bác sĩ đa khoa	-	68.4	68.4	82.5	301.8	
3. Giáo dục chính trị									
3	Huỳnh Văn Giàu (Châu Thành – Tiền Giang)	1981 (Nam)	Cử nhân Triết học	-	72.6	72.6	51.3	247.7	
4	Nguyễn Anh Khoa (Cai Lậy – Tiền Giang)	1993 (Nam)	Cử nhân Giáo dục chính trị	-	80.2	80.2	75.0	310.4	



TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
Vị trí tuyển dụng: Nhân viên hành chính về quản lý đào tạo									
1. Kỹ sư Tin học / CNTT									
5	Huỳnh Thị Thủy Trung (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1984 (Nữ)	CN Công nghệ thông tin	75.8	67.7	65.3	56.0	245.0	
6	Võ Hồng Huân (Gò Công Đông – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Kỹ sư Tin học	55.0	50.8	50.8	67.0	235.5	
7	Nguyễn Thị Hồng Gấm (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1990 (Nữ)	Cử nhân Công nghệ thông tin	81.5	69.7	71.1	68.0	276.8	
8	Đặng Nguyễn Thiện Kha (Châu Thành – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Kỹ sư Tin học	75.6	74.8	74.8	61.0	271.6	
9	Trần Hoàng Sang (Cai Lậy – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Kỹ sư Tin học	80.2	69.8	69.8	63.4	266.4	
10	Nguyễn Thị Yến Thi (Cai Lậy – Tiền Giang)	1989 (Nữ)	Kỹ sư Tin học	86.0	72.6	72.6	63.0	271.2	
11	Nguyễn Văn Ngon (Cai Lậy – Tiền Giang)	1986 (Nam)	Kỹ sư Tin học	-	69.7	69.7	-	-	Vắng KT THVP
12	Phạm Thị Thúy An (Mỹ Tho – Tiền Giang)	1988 (Nữ)	Kỹ sư Tin học ứng dụng	72.7	74.4	85.0	79.0	317.4	
13	Đào Ngọc Sơn Thủy (Châu Thành – Tiền Giang)	1987 (Nữ)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	71.6	67.5	69.7	-	-	Vắng phỏng vấn

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
14	Ngô Phương Bình (Bình Đại – Bến Tre)	1991 (Nam)	Kỹ sư Tin học	74.5	69.1	69.1	64.0	266.2	
15	Phạm Tấn Lợi (Cai Lậy – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Kỹ sư Tin học	78.3	65.6	65.6	48.0	-	Điểm phỏng vấn dưới 50
16	Lê Thanh Vũ (Cai Lậy – Tiền Giang)	1988 (Nam)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	68.0	58.0	57.1	52.0	219.1	
17	Nguyễn Thị Thanh Hương (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1987 (Nữ)	Cử nhân Công nghệ thông tin	77.0	57.8	57.8	74.4	264.4	
18	Võ Thành Đa (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Kỹ sư Tin học	55.2	76.1	76.1	58.0	268.2	
19	Trần Châu Thanh (Mỏ Cày Bắc – Bến Tre)	1990 (Nam)	Cử nhân Tin học	67.7	64.9	64.9	64.0	257.8	
20	Nguyễn Trung Tài (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1985 (Nam)	Kỹ sư Tin học	66.2	62.9	62.9	56.0	237.8	
21	Nguyễn Văn Đạt (Châu Thành – Tiền Giang)	1988 (Nam)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	43.3	62.0	71.4	-	-	Điểm THVP dưới 50
22	Trần Thị Hằng Ni (Cai Lậy – Tiền Giang)	1991 (Nữ)	Cử nhân Sư phạm Tin học	70.3	67.7	67.7	57.0	249.4	
23	Trần Thái An (Cái Bè – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	58.3	74.8	85.0	57.0	273.8	



TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
2. Y sĩ									
24	Nguyễn Thị Bích Thủy (Phú Tân – An Giang)	1990 (Nữ)	Y sĩ	52.3	70.0	65.0	57.0	249.0	
25	La Thị Diễm Phương (Châu Thành – Tiền Giang)	1991 (Nữ)	Y sĩ	63.5	70.0	68.0	48.0	-	Điểm phòng vấn dưới 50
26	Võ Triều Khang (Cai Lậy – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Y sĩ	77.1	77.0	77.0	54.0	262.0	
27	Ngô Đăng Khoa (Cai Lậy – Tiền Giang)	1993 (Nam)	Y sĩ	39.5	73.0	67.0	-	-	Điểm THVP dưới 50
28	Phan Hữu Lộc (Mỹ Tho – Tiền Giang)	1994 (Nam)	Y sĩ	61.3	70.0	72.0	53.0	248.0	
29	Trần Bảo Ngân (Cai Lậy – Tiền Giang)	1993 (Nữ)	Y sĩ	-	70.0	57.0	-	-	Vắng KT THVP
30	Trần Văn Trường An (Tân Phước – Tiền Giang)	1993 (Nam)	Y sĩ	61.6	77.0	77.0	59.0	272.0	
31	Nguyễn Văn Mến (Chợ Gạo – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Y sĩ	20.0	73.0	73.0	-	-	Điểm THVP dưới 50
32	Nguyễn Hoàng Ân (Cai Lậy – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Y sĩ	91.2	76.0	68.0	78.0	300.0	
33	Phạm Thị Thanh Trúc (Cai Lậy – Tiền Giang)	1985 (Nữ)	Y sĩ	56.5	76.0	67.0	78.0	299.0	

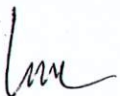
TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
34	Nguyễn Thị Trúc Ly (Tân Phước – Tiền Giang)	1994 (Nữ)	Y sĩ	67.2	77.0	70.0	64.0	275.0	
35	Nguyễn Hoàng Nhân (Gò Công Tây – Tiền Giang)	1993 (Nam)	Y sĩ	63.4	81.0	80.0	62.0	285.0	
36	Trương Thị Thu Thảo (Châu Thành – Tiền Giang)	1994 (Nữ)	Y sĩ	81.6	81.0	80.0	69.0	299.0	
Vị trí tuyển dụng: Nhân viên xây dựng cơ bản									
37	Nguyễn Văn Thơm (Cai Lậy – Tiền Giang)	1991 (Nam)	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	-	71.6	71.6	58.8	260.7	
38	Dương Thị Ngọc Hân (Châu Thành – Tiền Giang)	1984 (Nữ)	Kỹ sư xây dựng	-	59.7	59.7	38.3	-	Điểm phỏng vấn dưới 50
39	Dương Thị Thúy An (Giồng Trôm – Bến Tre)	1993 (Nữ)	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	-	82.3	82.3	58.3	281.3	
40	Đỗ Huy Huân (Cai Lậy – Tiền Giang)	1990 (Nam)	Cao đẳng Xây dựng dân dụng và công nghiệp	-	66.9	66.9	43.3	-	Điểm phỏng vấn dưới 50
41	Nguyễn Anh Tuấn (Mỹ Tho – Tiền Giang)	1979 (Nam)	Kỹ sư Xây dựng công trình	-	66.6	66.6	80.0	293.2	
42	Nguyễn Quý Phúc (Mỹ Tho – Tiền Giang)	1988 (Nam)	Kỹ sư Xây dựng dân dụng & Công nghiệp	-	64.0	64.0	52.5	233.0	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	KT tin học VP	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
Vị trí tuyển dụng: Thư ký khoa									
43	Trịnh Thị Sơn Nhi (Chợ Lách – Bến Tre)	1993 (Nữ)	Cao đẳng Điều dưỡng	53.6	82.4	85.0	76.3	319.9	
44	Bùi Thị Hồng Diễm (Gò Công – Tiền Giang)	1992 (Nữ)	Trung cấp Dược	49.0	75.0	68.0	-	-	Điểm THVP dưới 51
45	Nguyễn Phương Toàn (Châu Thành – Tiền Giang)	1992 (Nam)	Y sĩ	67.0	73.0	67.0	-	-	Vắng phỏng vấn
46	Lê Thị Hồng Phụng (Cai Lậy – Tiền Giang)	1993 (Nữ)	Cao đẳng Điều dưỡng	46.5	82.8	85.0	-	-	Điểm THVP dưới 50
47	Lê Ngọc Trinh (Tân Phú Đông – Tiền Giang)	1994 (Nữ)	Y sĩ đa khoa	42.8	77.0	68.0	-	-	Điểm THVP dưới 50

* Điểm phỏng vấn nhân hệ số 2

* Điểm thực hành Tin học văn phòng là điều kiện xét tuyển (đạt >50 điểm)

LẬP BẢNG



Phan Văn Thông

HIỆU TRƯỞNG





NGUYỄN HÙNG VĨ